

Ngày 31/03/2024	20,800 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	4.5%	46.5%	62.5%

	2023	
ROE	10.7%	+/- YoY ▲ 4.1%

	Q1/24		
DT thuần	1,444	QoQ ▲ 895 ▲ 163%	YoY ▲ 231 ▲ 19.1%
	tỷ VNĐ		

	2023	
DT thuần	3,440	YoY ▲ 284 ▲ 9.0%
	tỷ VNĐ	

	Q1/24		
LN gộp	150	QoQ ▼ 41.0 ▼ 21.6%	YoY ▲ 22.0 ▲ 17.0%
	tỷ VNĐ		

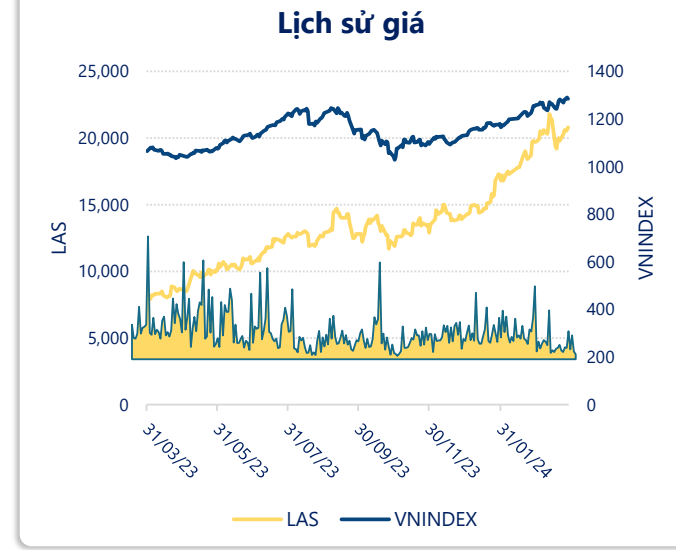
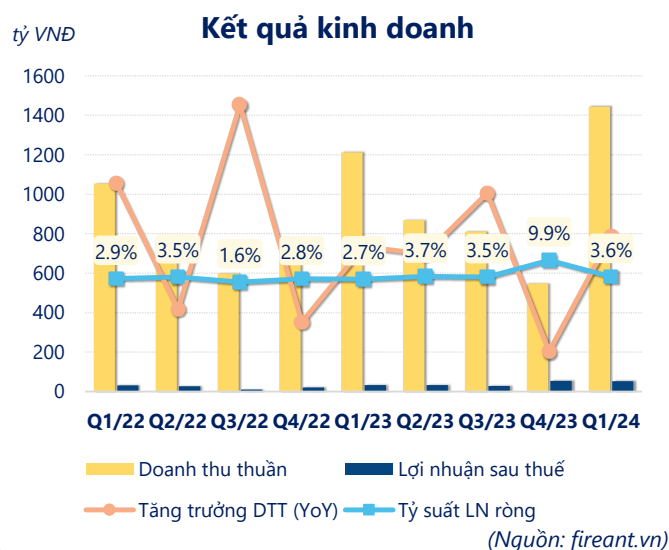
	2023	
LN gộp	557	YoY ▲ 103 ▲ 22.5%
	tỷ VNĐ	

	Q1/24		
LN thuần	65.7	QoQ ▲ 0.30 ▲ 0.4%	YoY ▲ 24.4 ▲ 59.0%
	tỷ VNĐ		

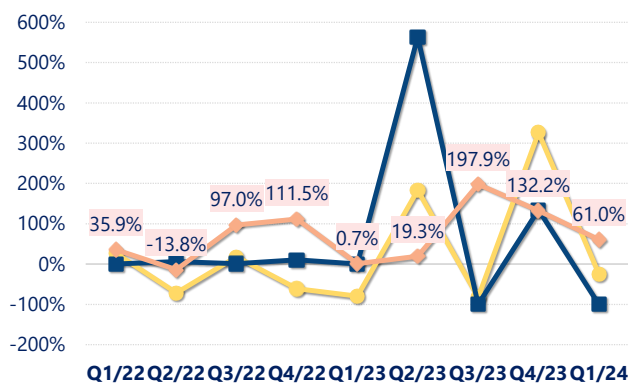
	2023	
LN thuần	181	YoY ▲ 72.0 ▲ 66.6%
	tỷ VNĐ	

	Q1/24		
LN sau thuế	52.5	QoQ ▼ 1.80 ▼ 3.3%	YoY ▲ 19.3 ▲ 58.1%
	tỷ VNĐ		

	2023	
LN sau thuế	149	YoY ▲ 60.5 ▲ 67.8%
	tỷ VNĐ	



Tăng trưởng lợi nhuận

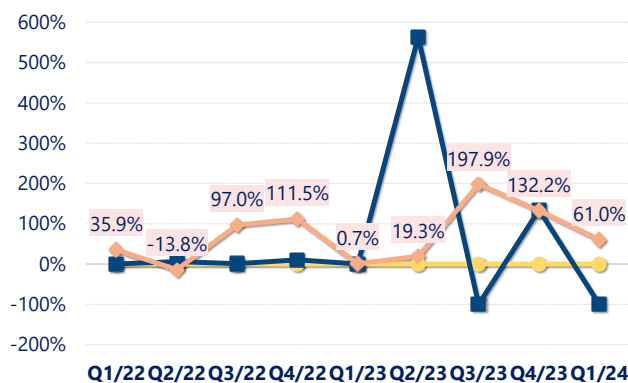


Q1/22 Q2/22 Q3/22 Q4/22 Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24

— Tăng trưởng LN thuần (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí

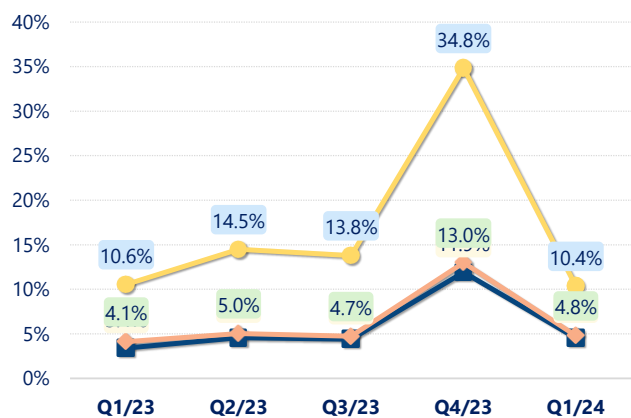


Q1/22 Q2/22 Q3/22 Q4/22 Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24

— Tăng trưởng CP lãi vay (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

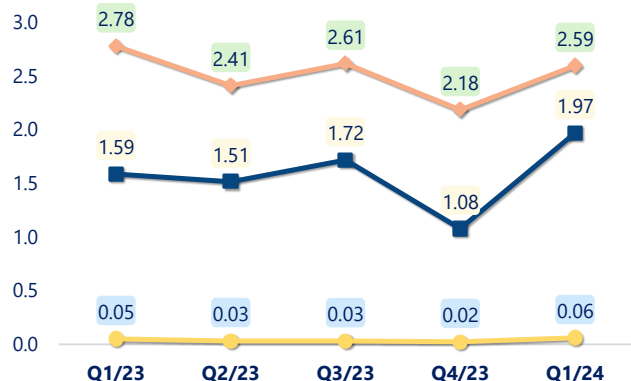


Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24

— Tỷ suất LN gộp — Tỷ suất LN thuần — Tỷ suất lãi EBIT

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

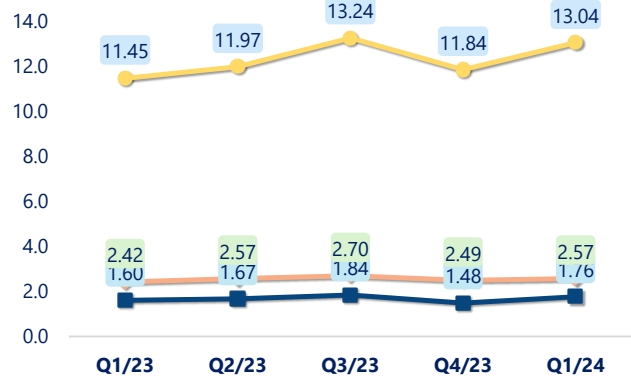


Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24

— Tỷ số thanh toán tiền mặt — Tỷ số thanh toán nhanh
— Tỷ số thanh toán hiện hành

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

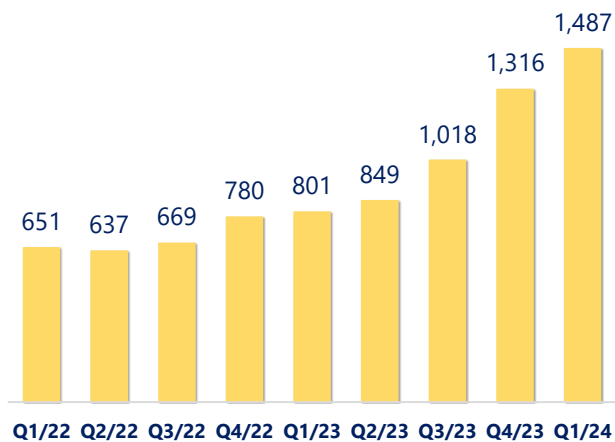


Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24

— Vòng quay TSCĐ — Vòng quay Tổng TS
— Vòng quay VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

EPS



Q1/22 Q2/22 Q3/22 Q4/22 Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q1/23	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	1,444	1,213	19.1%	3,440	3,156	9.0%
Giá vốn hàng bán	1,294	1,085	19.3%	2,883	2,701	6.7%
Lợi nhuận gộp	150	128	17.0%	557	454	22.5%
Doanh thu HĐTC	6.27	0.01	62623%	14.4	12.3	17.0%
Chi phí TC	3.93	8.56	-54.1%	20.4	21.1	-3.1%
Chi phí lãi vay	3.53	8.48	-58.4%	17.4	18.4	-5.3%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	36.8	35.5	3.6%	160	136	17.0%
Chi phí QLDN	49.7	42.7	16.5%	210	201	4.8%
LN thuần từ HĐKD	65.7	41.3	59.0%	181	109	66.6%
Lợi nhuận khác	0.19	0.25	-23.0%	5.27	3.75	40.5%
LN trước thuế	65.8	41.5	58.7%	186	112	65.7%
Lợi nhuận sau thuế	52.5	33.2	58.1%	149	88.5	67.8%
LNST của CĐ cty mẹ	52.5	33.2	58.1%	149	88.5	67.8%

(Nguồn: fireant.vn)

